

TRƯỜNG ĐẠI HỌC LÂM NGHIỆP
PHÂN HIỆU ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



KẾT QUẢ CHẤM THI TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC NĂM 2018
(CÁC LỚP K9B-VLVH VÀ K6A-LTTC-VLVH)
ĐỢT THI: Ngày 5 và 6 tháng 5 năm 2018

NGÀNH QUẢN LÝ ĐẤT ĐAI

TT	TT	Họ và Tên	Lớp	Ngày sinh	Điểm môn thi		Ghi chú
					Trắc địa địa chính	QLHC về ĐĐ	
1	1	Võ Thiên Anh	K9B_QLDD_CM	19/07/1994	5.0	8.0	
2	2	Lý Công Danh	K9B_QLDD_CM	01/01/1985	5.0	9.0	
3	3	Huỳnh Tiến Đạt	K9B_QLDD_CM	20/11/1994	5.0	7.0	
4	4	Kiều Tấn Đức	K9B_QLDD_CM	27/07/1994	6.0	7.0	
5	5	Nguyễn Quốc Hải	K9B_QLDD_CM	11/09/1990	5.0	8.0	
6	6	Lê Huy Hào	K9B_QLDD_CM	30/05/1990	5.0	8.0	
7	7	Thang Trung Kiên	K9B_QLDD_CM	02/05/1982	6.0	8.0	
8	8	Lâm Tuấn Kiệt	K9B_QLDD_CM	26/01/1986	7.0	8.0	
9	9	Nguyễn Thanh Mộng	K9B_QLDD_CM	01/01/1981	7.0	8.0	
10	10	Đỗ Ánh Nguyên	K9B_QLDD_CM	26/01/1995	7.0	8.0	
11	11	Phạm Văn Nguyễn	K9B_QLDD_CM	04/03/1993	5.0	8.0	
12	12	Huỳnh Đức Nhật	K9B_QLDD_CM	26/11/1995	5.0	8.0	
13	13	Dương Phong Phú	K9B_QLDD_CM	16/02/1995	5.0	8.0	
14	14	Phạm Thanh Tâm	K9B_QLDD_CM	16/04/1989	6.0	8.0	
15	15	Đỗ Nhật Tân	K9B_QLDD_CM	09/08/1990	7.0	8.0	
16	16	Dương Thị Mộng Thu	K9B_QLDD_CM	01/01/1990	7.0	8.0	
17	17	Mai Minh Thuấn	K9B_QLDD_CM	01/01/1994	6.0	8.0	
18	18	Huỳnh Thanh Thủy	K9B_QLDD_CM	10/10/1972	5.0	8.0	
19	19	Lưu Việt Trọng	K9B_QLDD_CM	18/06/1994	7.0	8.0	
20	20	Quách Nhật Trường	K9B_QLDD_CM	06/12/1991	7.0	6.0	
21	21	Nguyễn Công Văn	K9B_QLDD_CM	01/01/1994	8.0	8.0	
22	22	Nguyễn Thành An	K6A1_LTTC_QLDD_PT	18/09/1991	7.0	7.0	
23	23	Bùi Tấn Cường	K6A1_LTTC_QLDD_PT	24/11/1983	8.0	7.0	
24	24	Phạm Thị Mộng Diễm	K6A1_LTTC_QLDD_PT	01/04/1983	7.0	8.0	
25	25	Huỳnh Ngọc Hoài	K6A1_LTTC_QLDD_PT	01/01/1988	8.0	6.0	
26	26	Lê Công Huy	K6A1_LTTC_QLDD_PT	10/01/1992	7.0	8.0	
27	27	Lê Hữu Hữu	K6A1_LTTC_QLDD_PT	26/03/1993	8.0	8.0	
28	28	Lê Duy Kha	K6A1_LTTC_QLDD_PT	08/04/1991	5.0	8.0	
29	29	Lê Hồ Khải	K6A1_LTTC_QLDD_PT	17/07/1985	7.0	7.0	
30	30	Nguyễn Đình Linh	K6A1_LTTC_QLDD_PT	30/10/1991	5.0	8.0	
31	31	Phạm Thị Tuệ Minh	K6A1_LTTC_QLDD_PT	14/03/1984	6.0	8.0	

32	32	Nguyễn Thị Hải	Nhi	K6A1_LTTC_QLDD_PT	30/06/1984	8.0	8.0	
33	33	Nguyễn Thị Hoàng	Oanh	K6A1_LTTC_QLDD_PT	17/01/1984	6.0	7.0	
34	34	Lê Hữu	Quốc	K6A1_LTTC_QLDD_PT	21/07/1984	5.0	8.0	
35	35	Trần Thiện	Quốc	K6A1_LTTC_QLDD_PT	15/05/1988	8.0	8.0	
36	36	Trần Văn	Thịnh	K6A1_LTTC_QLDD_PT	10/03/1991	6.0	7.0	
37	37	Phan Trung	Thông	K6A1_LTTC_QLDD_PT	07/04/1988	7.0	7.0	
38	38	Nguyễn Thị Minh	Thúy	K6A1_LTTC_QLDD_PT	25/07/1992	7.0	8.0	
39	39	Ngô Thành	Trung	K6A1_LTTC_QLDD_PT	27/04/1987	8.0	6.0	
40	40	Nguyễn Thành	Trung	K6A1_LTTC_QLDD_PT	09/06/1992	5.0	8.0	
41	41	Huỳnh Thanh	Tùng	K6A1_LTTC_QLDD_PT	14/08/1987	9.0	6.0	
42	42	Nguyễn Thị Minh	Tuyết	K6A1_LTTC_QLDD_PT	26/02/1992	6.0	8.0	
43	43	Phạm Hoàng Kim	Yến	K6A1_LTTC_QLDD_PT	09/02/1982	7.0	8.0	
44	44	Nguyễn Hữu	Thành	K5A_QLĐĐ_XM	07/09/1979	8.0	7.0	
45	45	Võ Thị	Ninh	K3B1_LTTC_QLDD_PT	11/11/1985	7.0	6.0	
46	46	Trịnh Thị	An	K6A2_LTTC_QLDD_GN	20/06/1988	7.0	8.0	
47	47	Trần Đình	Ẩn	K6A2_LTTC_QLDD_GN	30/10/1985	7.0	8.0	
48	48	Vũ Văn	Bách	K6A2_LTTC_QLDD_GN	28/06/1986	8.0	9.0	
49	49	Nguyễn Việt	Công	K6A2_LTTC_QLDD_GN	10/10/1991	6.0	8.0	
50	50	Nguyễn Xuân	Dũng	K6A2_LTTC_QLDD_GN	20/10/1979	8.0	7.0	
51	51	Trần Trọng	Đại	K6A2_LTTC_QLDD_GN	05/07/1981	6.0	7.0	
52	52	Đậu Quang	Đạt	K6A2_LTTC_QLDD_GN	30/06/1979	8.0	7.0	
53	53	Hoàng Thị	Hiên	K6A2_LTTC_QLDD_GN	04/10/1989	8.0	9.0	
54	54	Hoàng Thị	Hiên	K6A2_LTTC_QLDD_GN	20/06/1982	8.0	7.0	
55	55	Đoàn Văn	Hòa	K6A2_LTTC_QLDD_GN	16/08/1982	8.0	6.0	
56	56	Nguyễn	Hòa	K6A2_LTTC_QLDD_GN	10/07/1993	8.0	7.0	
57	57	Trần Thị	Huyền	K6A2_LTTC_QLDD_GN	21/10/1990	7.0	7.0	
58	58	Lê Minh	Mẫn	K6A2_LTTC_QLDD_GN	19/07/1988	8.0	8.0	
59	59	Nguyễn Văn	Ngọc	K6A2_LTTC_QLDD_GN	12/12/1977	8.0	7.0	
60	60	Mã Thị Tuyết	Sương	K6A2_LTTC_QLDD_GN	09/10/1991	8.0	7.0	
61	61	Lê Vũ	Tí	K6A2_LTTC_QLDD_GN	02/02/1984	6.0	7.0	
62	62	Nguyễn Xuân	Tiến	K6A2_LTTC_QLDD_GN	25/07/1982	5.0	7.0	
63	63	Lê Văn	Toàn	K6A2_LTTC_QLDD_GN	23/07/1990	7.0	8.0	
64	64	Phạm Văn	Tuân	K6A2_LTTC_QLDD_GN	25/08/1980	7.0	7.0	
65	65	Phan Thanh	Tuấn	K6A2_LTTC_QLDD_GN	04/02/1986	8.0	7.0	
66	66	Hà Văn	Tuyền	K6A2_LTTC_QLDD_GN	06/07/1987	8.0	9.0	
67	67	Phạm Văn	Việt	K6A2_LTTC_QLDD_GN	21/08/1985	8.0	8.0	
68	68	Nguyễn Duy	Diện	K6B3_LTTC_QLDD_GN	20/06/1993	8.0	8.0	
69	69	Phạm Quang	Đạt	K6B3_LTTC_QLDD_GN	13/09/1987	8.0	8.0	
70	70	Nguyễn Như	Huỳnh	K6B3_LTTC_QLDD_GN	11/08/1991	8.0	8.0	
71	71	Nguyễn Xuân	Kỳ	K6B3_LTTC_QLDD_GN	04/09/1988	8.0	7.0	
72	72	Vũ Mạnh	Tuấn	K6B3_LTTC_QLDD_GN	10/11/1993	8.0	7.0	
73	73	Y Tuệ	Arul	K6A3_LTTC_QLDD_ĐL	15/03/1992	5.0	7.0	

NGHIỆP
PI
TRÚ
LÀ
Đ
TRÌNH G

(Handwritten signature)

74	74	Nguyễn Văn	Bình	K6A3_LTTC_QLDD_ĐL	06/10/1986	7.0	8.0	
75	75	Trình Công	Bình	K6A3_LTTC_QLDD_ĐL	01/12/1988	6.0	7.0	
76	76	Đỗ Văn	Bón	K6A3_LTTC_QLDD_ĐL	18/03/1992	6.0	6.0	
77	77	Đình Văn	Cương	K6A3_LTTC_QLDD_ĐL	10/05/1981	5.0	7.0	
78	78	Đỗ Nam	Cường	K6A3_LTTC_QLDD_ĐL	25/03/1992	5.0	8.0	
79	79	Lâm Thị Phương	Dung	K6A3_LTTC_QLDD_ĐL	10/06/1993	5.0	8.0	
80	80	Hoàng Minh	Dũng	K6A3_LTTC_QLDD_ĐL	13/09/1987	5.0	8.0	
81	81	Phạm Văn	Dũng	K6A3_LTTC_QLDD_ĐL	22/07/1986	5.0	7.0	
82	82	Nguyễn Khánh	Dư	K6A3_LTTC_QLDD_ĐL	22/01/1982	6.0	7.0	
83	83	Phan Tiến	Đạt	K6A3_LTTC_QLDD_ĐL	22/12/1990	6.0	7.0	
84	84	Lưu Văn	Đức	K6A3_LTTC_QLDD_ĐL	04/05/1984	6.0	8.0	
85	85	Nguyễn Văn	Đường	K6A3_LTTC_QLDD_ĐL	06/06/1986	7.0	7.0	
86	86	Dương Văn	Giáp	K6A3_LTTC_QLDD_ĐL	20/06/1994	6.0	8.0	
87	87	Nguyễn Thị Thu	Hà	K6A3_LTTC_QLDD_ĐL	21/04/1983	6.0	8.0	
88	88	Nguyễn Văn	Hậu	K6A3_LTTC_QLDD_ĐL	29/09/1991	6.0	7.0	
89	89	Nguyễn Thị	Hoa	K6A3_LTTC_QLDD_ĐL	17/07/1990	6.0	8.0	
90	90	Phan Thanh	Hoàng	K6A3_LTTC_QLDD_ĐL	05/10/1993	5.0	7.0	
91	91	Nguyễn Minh	Hưng	K6A3_LTTC_QLDD_ĐL	15/11/1991	6.0	7.0	
92	92	Lê Thị	Hương	K6A3_LTTC_QLDD_ĐL	05/10/1981	5.0	7.0	
93	93	Y Nguinh Niê	K Dăm	K6A3_LTTC_QLDD_ĐL	22/10/1980	6.0	6.0	
94	94	Phan Thị Mỹ	Lệ	K6A3_LTTC_QLDD_ĐL	31/12/1985	5.0	8.0	
95	95	Ngô Thiết	Luật	K6A3_LTTC_QLDD_ĐL	12/01/1988	5.0	8.0	
96	96	Lê Bá	Lực	K6A3_LTTC_QLDD_ĐL	15/03/1983	5.0	8.0	
97	97	Võ Thị	Ly	K6A3_LTTC_QLDD_ĐL	20/09/1988	7.0	8.0	
98	98	Lý Ngọc	Minh	K6A3_LTTC_QLDD_ĐL	18/11/1992	7.0	9.0	
99	99	Phan Văn	Minh	K6A3_LTTC_QLDD_ĐL	20/09/1977	6.0	7.0	
100	100	Nguyễn Văn	Nam	K6A3_LTTC_QLDD_ĐL	14/08/1994	8.0	8.0	
101	101	Hoàng Thế	Nghĩa	K6A3_LTTC_QLDD_ĐL	14/10/1972	6.0	8.0	
102	102	Cao Văn	Ngọc	K6A3_LTTC_QLDD_ĐL	18/02/1985	7.0	7.0	
103	103	Phan Đức	Nguyên	K6A3_LTTC_QLDD_ĐL	22/09/1985	6.0	8.0	
104	104	Nguyễn Thị Thanh	Nhàn	K6A3_LTTC_QLDD_ĐL	17/04/1983	6.0	8.0	
105	105	Nguyễn Huy	Phần	K6A3_LTTC_QLDD_ĐL	15/11/1984	8.0	7.0	
106	106	Nguyễn Đình	Phong	K6A3_LTTC_QLDD_ĐL	14/09/1991	5.0	7.0	
107	107	Hồ Nhật	Quang	K6A3_LTTC_QLDD_ĐL	09/05/1988	5.0	8.0	
108	108	Trần Văn	Thanh	K6A3_LTTC_QLDD_ĐL	02/11/1992	5.0	7.0	
109	109	Nguyễn Tiến	Thành	K6A3_LTTC_QLDD_ĐL	18/06/1992	5.0	6.0	
110	110	Trần Thị Thu	Tháo	K6A3_LTTC_QLDD_ĐL	15/10/1992	7.0	9.0	
111	111	Trương Thị Hồng	Thắm	K6A3_LTTC_QLDD_ĐL	27/06/1992	8.0	8.0	
112	112	Nguyễn Quang	Thiều	K6A3_LTTC_QLDD_ĐL	01/09/1982	8.0	8.0	
113	113	Võ Thị Anh	Thơ	K6A3_LTTC_QLDD_ĐL	22/08/1992	6.0	9.0	
114	114	Nguyễn Thị Diệu	Thu	K6A3_LTTC_QLDD_ĐL	28/08/1991	8.0	8.0	
115	115	Trương Vĩnh	Thuận	K6A3_LTTC_QLDD_ĐL	28/12/1989	5.0	7.0	

VÀ P
 TÀI
 SNG
 MI
 TÀI
 ON
 H

116	116	Võ Văn Thuận	K6A3_LTTC_QLDD_ĐL	17/05/1990	5.0	7.0	
117	117	Lê Thị Thu Thủy	K6A3_LTTC_QLDD_ĐL	12/01/1985	5.0	8.0	
118	118	Phùng Văn Tiếp	K6A3_LTTC_QLDD_ĐL	20/11/1984	6.0	7.0	
119	119	Trương Thị Mỹ Trinh	K6A3_LTTC_QLDD_ĐL	21/12/1986	8.0	8.0	
120	120	Lương Anh Tuấn	K6A3_LTTC_QLDD_ĐL	10/06/1992	5.0	7.0	
121	121	Trương Quốc Vinh	K6A3_LTTC_QLDD_ĐL	01/01/1983	6.0	7.0	
122	122	Nguyễn Lê Anh Vũ	K6A3_LTTC_QLDD_ĐL	20/04/1991	5.0	7.0	
123	123	Hà Long Anh	K6B2_LTTC_QLDD_Đắc lắ	25/04/1988	6.0	7.0	
124	124	Phan Thế Anh	K6B2_LTTC_QLDD_Đắc lắ	06/01/1985	5.0	7.0	
125	125	Trần Bột Anh	K6B2_LTTC_QLDD_Đắc lắ	02/02/1990	5.0	7.0	
126	126	Lê Văn Bình	K6B2_LTTC_QLDD_Đắc lắ	17/10/1967	8.0	8.0	
127	127	Hồ Thị Thu Diễm	K6B2_LTTC_QLDD_Đắc lắ	11/03/1991	8.0	8.0	
128	128	Lã Xuân Đại	K6B2_LTTC_QLDD_Đắc lắ	30/06/1987	5.0	8.0	
129	129	H Hoa Êban	K6B2_LTTC_QLDD_Đắc lắ	07/07/1985	7.0	8.0	
130	130	Phạm Thị Thu Hà	K6B2_LTTC_QLDD_Đắc lắ	02/01/1989	7.0	7.0	
131	131	Nguyễn Thị Thuý Hằng	K6B2_LTTC_QLDD_Đắc lắ	29/06/1992	5.0	7.0	
132	132	Ngô Quang Hoàng	K6B2_LTTC_QLDD_Đắc lắ	26/02/1993	5.0	7.0	
133	133	Đặng Xuân Nghĩa	K6B2_LTTC_QLDD_Đắc lắ	30/10/1982	5.0	6.0	
134	134	H Huệ Ông	K6B2_LTTC_QLDD_Đắc lắ	19/10/1990	5.0	7.0	
135	135	Nguyễn Văn Thắng	K6B2_LTTC_QLDD_Đắc lắ	03/11/1988	6.0	7.0	
136	136	Võ Hữu Tín	K6B2_LTTC_QLDD_Đắc lắ	28/06/1984	5.0	7.0	
137	137	Lê Anh Tuấn	K6B2_LTTC_QLDD_Đắc lắ	07/02/1979	5.0	7.0	

NGÀNH QUẢN LÝ TÀI NGUYÊN RỪNG

TT	TT	Họ và Tên	Lớp	Ngày sinh	Điểm môn thi		Ghi chú
					Đa dạng SH	Côn trùng học	
138	1	Nguyễn Sỹ Đức	K9B_QLTNR_CS2	22/05/1986	8.0	8.0	
139	2	Lê Trung Hậu	K9B_QLTNR_CS2	12/06/1987	8.0	8.0	
140	3	Phan Ngọc Khoa	K9B_QLTNR_CS2	16/01/1994	7.0	8.0	
141	4	Phan Trọng Lực	K9B_QLTNR_CS2	15/04/1989	9.0	8.0	
142	5	Nguyễn Viết Quý	K9B_QLTNR_CS2	04/11/1984	7.0	8.0	
143	6	Lưu Trường Sơn	K9B_QLTNR_CS2	10/07/1990	8.0	7.0	
144	7	Nguyễn Ngọc Tài	K9B_QLTNR_CS2	02/05/1993	7.0	8.0	
145	8	Huỳnh Xuân Tâm	K9B_QLTNR_CS2	03/12/1987	7.0	8.0	
146	9	Nguyễn Chí Tâm	K9B_QLTNR_CS2	04/12/1993	7.0	8.0	
147	10	Trịnh Văn Thanh	K9B_QLTNR_CS2	08/02/1976	8.0	8.0	
148	11	Lê Hữu Thìn	K9B_QLTNR_CS2	03/03/1988	8.0	8.0	
149	12	Hồ Thanh Thuận	K9B_QLTNR_CS2	24/08/1982	9.0	8.0	
150	13	Phan Hữu Tinh	K9B_QLTNR_CS2	09/09/1991	9.0	7.0	
151	14	Nguyễn Quang Nhật Tú	K9B_QLTNR_CS2	13/12/1989	8.0	8.0	
152	15	Trần Anh Tuấn	K9B_QLTNR_CS2	10/11/1994	7.0	8.0	
153	16	Phan Huy Tùng	K9B_QLTNR_CS2	20/10/1982	6.0	8.0	

HAT
HI
ĐA
GH
TIN
GN
TC L

NGÀNH KẾ TOÁN								
TT	TT	Họ và Tên		Lớp	Ngày sinh	Điểm môn thi		Ghi chú
						Quản trị KD	Kế toán TC	
154	1	Lâm Thị Tứ	Châu	K6A1_LTTTC_KT_PT	02/12/1991	8.0	9.0	
155	2	Nguyễn Thị Bích	Chi	K6A1_LTTTC_KT_PT	12/05/1990	9.0	9.0	
156	3	Phạm Văn	Chiến	K6A1_LTTTC_KT_PT	18/11/1985	9.0	10.0	
157	4	Thông Minh	Công	K6A1_LTTTC_KT_PT	08/05/1991	8.0	9.0	
158	5	Nguyễn Thị Xuân	Dang	K6A1_LTTTC_KT_PT	08/03/1993	7.0	9.0	
159	6	Huỳnh Thị Mỹ	Duyên	K6A1_LTTTC_KT_PT	01/07/1989	8.0	9.0	
160	7	Vũ Thị	Giang	K6A1_LTTTC_KT_PT	26/12/1989	9.0	9.0	
161	8	Lê Thị Hồng	Hà	K6A1_LTTTC_KT_PT	03/04/1984	8.0	9.0	
162	9	Nguyễn Thị Huỳnh	Hòa	K6A1_LTTTC_KT_PT	29/05/1985	9.0	9.0	
163	10	Nguyễn Thị Bạch	Huệ	K6A1_LTTTC_KT_PT	19/01/1990	8.0	9.0	
164	11	Nguyễn Thị Thanh	Huyền	K6A1_LTTTC_KT_PT	15/11/1984	7.0	9.0	
165	12	Mai Xuân	Hưng	K6A1_LTTTC_KT_PT	20/11/1983	8.0	9.0	
166	13	Nguyễn Trọng	Khoa	K6A1_LTTTC_KT_PT	10/03/1992	8.0	9.0	
167	14	Huỳnh Ngọc Viên	Lam	K6A1_LTTTC_KT_PT	10/11/1984	8.0	9.0	
168	15	Đỗ Duy	Linh	K6A1_LTTTC_KT_PT	03/08/1982	9.0	9.0	
169	16	Nguyễn Thị Mỹ	Loan	K6A1_LTTTC_KT_PT	08/12/1984	8.0	9.0	
170	17	Võ Thị Trúc	Ly	K6A1_LTTTC_KT_PT	28/12/1987	8.0	9.0	
171	18	Nguyễn Minh	Lý	K6A1_LTTTC_KT_PT	05/05/1993	8.0	9.0	
172	19	Nguyễn Thị Tố	Nga	K6A1_LTTTC_KT_PT	07/12/1984	8.0	9.0	
173	20	Phạm Thị Ngọc	Nữ	K6A1_LTTTC_KT_PT	01/09/1984	8.0	9.0	
174	21	Lương Thị Minh	Phương	K6A1_LTTTC_KT_PT	21/08/1985	9.0	9.0	
175	22	Đỗ Thị	Thảo	K6A1_LTTTC_KT_PT	20/02/1982	8.0	10.0	
176	23	Đặng Thị	Thủy	K6A1_LTTTC_KT_PT	12/12/1986	8.0	10.0	
177	24	Huỳnh Thị Ngọc	Thủy	K6A1_LTTTC_KT_PT	28/12/1984	9.0	9.0	
178	25	Nguyễn Thị Ngọc	Thúy	K6A1_LTTTC_KT_PT	04/12/1984	9.0	10.0	
179	26	Hồ Thị Thanh	Trang	K6A1_LTTTC_KT_PT	10/05/1990	9.0	9.0	
180	27	Lê Thị Thùy	Trang	K6A1_LTTTC_KT_PT	13/08/1984	7.0	9.0	
181	28	Nguyễn Tuấn	Anh	K6A2_LTTTC_KT_GN	25/04/1990	4.0	7.0	
182	29	Tạ Đình	Châu	K6A2_LTTTC_KT_GN	14/04/1991	7.0	8.0	
183	30	Trần Thị Phương	Duyên	K6A2_LTTTC_KT_GN	14/06/1986	6.0	8.0	
184	31	Phạm Thu	Hoài	K6A2_LTTTC_KT_GN	25/01/1987	8.0	8.0	
185	32	Đoàn Thị	Luyến	K6A2_LTTTC_KT_GN	27/12/1985	8.0	8.0	
186	33	Trần Thị	Nga	K6A2_LTTTC_KT_GN	28/06/1987	8.0	8.0	
187	34	Đỗ Thị	Phương	K6A2_LTTTC_KT_GN	27/10/1985	8.0	8.0	
188	35	Bùi Thị Kim	Phượng	K6A2_LTTTC_KT_GN	13/08/1992	7.0	8.0	
189	36	Tô Thị Như	Quỳnh	K6A2_LTTTC_KT_GN	02/06/1993	8.0	8.0	
190	37	Nguyễn Thị Thu	Thảo	K6A2_LTTTC_KT_GN	27/03/1992	8.0	8.0	
191	38	Phạm Thị	Thúy	K6A2_LTTTC_KT_GN	16/08/1991	9.0	8.0	

TRẦN
ĐU
HỌ
LỆP
H
AI
M N

Handwritten signature

192	39	Nguyễn Chí	Tĩnh	K6A2_LTTC_KT_GN	27/05/1978	4.0	5.0	
193	40	Trịnh Thị	Vân	K6A2_LTTC_KT_GN	01/09/1986	7.0	8.0	
194	41	Võ Thị	Vân	K6A2_LTTC_KT_GN	18/05/1985	7.0	8.0	
195	42	Huỳnh Thị Bé	Lan	K6B2_LTTC_KT_GN	05/12/1986	7.0	8.0	
196	43	Nguyễn Thị Như	Quỳnh	K6B2_LTTC_KT_GN	10/12/1993	7.0	8.0	
197	44	Nguyễn Thị Bích Phương	Thào	K6B2_LTTC_KT_GN	05/09/1991	7.0	8.0	
198	45	Bùi Thị Thanh	Hà	K5B2_LTTC_KT_GN	30/01/1981	8.0	8.0	

NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH

TT	TT	Họ và Tên	Lớp	Ngày sinh	Điểm môn thi		Ghi chú	
					Quản trị KD	Kế toán TC		
199	1	Nguyễn Thị Kim	Dung	K9B_QTKD_CS2	10/09/1990	8.0	8.0	
200	2	Vũ Phan Minh	Hoàng	K9B_QTKD_CS2	18/09/1992	8.0	9.0	
201	3	Hà Thanh	Liêm	K9B_QTKD_CS2	25/11/1979	6.0	8.0	
202	4	Đặng Thị	Luyến	K9B_QTKD_CS2	28/10/1994	7.0	7.0	
203	5	Lê Trọng	Lực	K9B_QTKD_CS2	05/09/1981	6.0	8.0	
204	6	Nguyễn Hữu	Minh	K9B_QTKD_CS2	30/04/1990	8.0	8.0	
205	7	Phan Thị Ngọc	Ngân	K9B_QTKD_CS2	28/06/1994	8.0	7.0	
206	8	Hồ	Nhục	K9B_QTKD_CS2	01/08/1988	9.0	8.0	
207	9	Phạm Thái	Sơn	K9B_QTKD_CS2	13/08/1986	7.0	7.0	
208	10	Hồ Văn	Tâm	K9B_QTKD_CS2	16/06/1987	9.0	8.0	
209	11	Hoàng Lê Anh	Tân	K9B_QTKD_CS2	21/09/1991	8.0	8.0	
210	12	Kiều Thị Ngọc	Thủy	K9B_QTKD_CS2	20/10/1995	8.0	7.0	

NGÀNH LÂM SINH

TT	TT	Họ và Tên	Lớp	Ngày sinh	Điểm môn thi		Ghi chú	
					Quy hoạch LN	Kỹ thuật LS		
211	1	Phan Trần Tuấn	Anh	K6A_LTTC_LS_CM	19/12/1991	5.0	7.0	
212	2	Thái Bá	Cảnh	K6A_LTTC_LS_CM	20/08/1967	6.0	8.0	
213	3	Võ Thành	Cuộc	K6A_LTTC_LS_CM	21/10/1986	5.0	7.0	
214	4	Nguyễn Văn	Cương	K6A_LTTC_LS_CM	19/09/1973	5.0	8.0	
215	5	Lâm Thành	Danh	K6A_LTTC_LS_CM	12/02/1972	5.0	8.0	
216	6	Ngô Tiến	Dũng	K6A_LTTC_LS_CM	01/12/1984	5.0	7.0	
217	7	Nguyễn Đình	Dũng	K6A_LTTC_LS_CM	11/04/1975	5.0	5.0	
218	8	Lê Khắc	Duy	K6A_LTTC_LS_CM	01/02/1990	6.0	7.0	
219	9	Lê Văn	Dũng	K6A_LTTC_LS_CM	05/10/1979	6.0	6.0	
220	10	Lưu Viễn	Đạt	K6A_LTTC_LS_CM	12/12/1989	6.0	8.0	
221	11	Dương Văn Út	Em	K6A_LTTC_LS_CM	01/01/1980	5.0	7.0	
222	12	Nguyễn Tấn	Giang	K6A_LTTC_LS_CM	01/01/1976	7.0	8.0	
223	13	Ngô Vũ	Hải	K6A_LTTC_LS_CM	02/09/1984	5.0	8.0	
224	14	Dương Vũ	Hiệp	K6A_LTTC_LS_CM	01/01/1981	7.0	9.0	
225	15	Đỗ Thanh	Hóa	K6A_LTTC_LS_CM	05/06/1973	5.0	8.0	

Handwritten signature

226	16	Trần Thanh	Huyền	K6A_LTTC_LS_CM	15/09/1985	5.0	7.0	
227	17	Lê Đình	Hưng	K6A_LTTC_LS_CM	16/06/1976	5.0	8.0	
228	18	Trần Văn	Hường	K6A_LTTC_LS_CM	06/10/1991	7.0	7.0	
229	19	Trương Văn	Ái	K6A_LTTC_LS_CM	15/06/1979	6.0	7.0	
230	20	Trần Linh	Kha	K6A_LTTC_LS_CM	15/07/1982	6.0	9.0	
231	21	Tô Việt	Khái	K6A_LTTC_LS_CM	07/09/1980	5.0	7.0	
232	22	Ngô Văn	Kháng	K6A_LTTC_LS_CM	15/01/1969	7.0	7.0	
233	23	Nguyễn Phương	Khanh	K6A_LTTC_LS_CM	01/01/1972	5.0	6.0	
234	24	Thang Quốc	Khởi	K6A_LTTC_LS_CM	10/02/1967	5.0	8.0	
235	25	Danh	Lâm	K6A_LTTC_LS_CM	01/04/1978	6.0	8.0	
236	26	Phan Văn	Lên	K6A_LTTC_LS_CM	02/10/1980	7.0	8.0	
237	27	Tổng Vũ	Linh	K6A_LTTC_LS_CM	01/01/1985	5.0	8.0	
238	28	Bùi Văn	Lùng	K6A_LTTC_LS_CM	01/01/1978	5.0	7.0	
239	29	Võ Ngọc	Minh	K6A_LTTC_LS_CM	16/02/1980	5.0	8.0	
240	30	Trần Thanh	Nhàn	K6A_LTTC_LS_CM	04/04/1964	5.0	8.0	
241	31	Trần Văn	Nhị	K6A_LTTC_LS_CM	15/05/1977	5.0	8.0	
242	32	Hồ Minh	Phụng	K6A_LTTC_LS_CM	13/10/1981	6.0	8.0	
243	33	Tô Tuấn	Phương	K6A_LTTC_LS_CM	01/01/1991	5.0	8.0	
244	34	Lê Hữu	Quang	K6A_LTTC_LS_CM	23/11/1990	6.0	8.0	
245	35	Cao Văn	Tặng	K6A_LTTC_LS_CM	01/01/1987	5.0	8.0	
246	36	Ngô Kế	Tân	K6A_LTTC_LS_CM	20/02/1986	5.0	9.0	
247	37	Phạm Minh	Tân	K6A_LTTC_LS_CM	15/11/1973	5.0	8.0	
248	38	Đoàn Việt	Thống	K6A_LTTC_LS_CM	18/04/1976	5.0	7.0	
249	39	Nguyễn Minh	Trãi	K6A_LTTC_LS_CM	22/03/1985	6.0	8.0	
250	40	Danh Hoàng	Tuấn	K6A_LTTC_LS_CM	18/10/1984	6.0	6.0	
251	41	Ngô Quốc	Tuấn	K6A_LTTC_LS_CM	25/12/1986	7.0	7.0	
252	42	Lê Hữu	Tư	K6A_LTTC_LS_CM	08/12/1972	5.0	8.0	
253	43	Phạm Thế	Tường	K6A_LTTC_LS_CM	02/10/1985	7.0	6.0	

Đồng Nai, ngày 25 tháng 05 năm 2018

Thư ký



Phạm Trung Thủy



TS. Vũ Thu Hương